

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 17/10/2019

V/v xin ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hồng

Các Thẩm phán:

Bà Vũ Thị Nguyệt

Bà Lê Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Anh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2019/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019 về việc xin ly hôn.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 33/2019/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 203/2019/QĐ-PT ngày 26 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1985; nơi cư trú tại Số O NCT, Phường X, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Anh Lê Chí N, sinh năm 1987; nơi cư trú tại Số O NCT, Phường X, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng.

Người kháng cáo: Chị Lê Thị H – Nguyên đơn

(nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn chị Lê Thị H và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Lê Chí N đăng ký kết hôn năm 2011 tại Ủy ban nhân dân Phường X, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống chung nhà ba mẹ anh N ở Số O NCT, Phường X, thành phố ĐL. Trong quá trình chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do giữa chị H và anh N

không hòa hợp với nhau trong công việc, chị H là công nhân, anh N là bộ đội, chị H đi làm từ sáng sớm cho đến 20 giờ mới về nhà, anh N thường xuyên đi công tác nên con cái không ai chăm lo, chị cho rằng anh N không có trách nhiệm với gia đình, không chia sẻ công việc với vợ, vì vậy nên cả hai thường xuyên xảy ra xích mích. Chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nên chị cùng 02 con chung tự thuê nhà sinh sống. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Có 2 con chung tên là Lê Ngọc Linh Đ, sinh ngày 23/8/2012 và Lê Minh P, sinh ngày 18/4/2015. Nếu ly hôn, chị H sẽ giao 02 con chung cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ/2 con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai của bị đơn anh Lê Chí N và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Chí N và chị Lê Thị H kết hôn năm 2011 như chị H trình bày là đúng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Cuộc sống chung hòa thuận hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Do tính chất công việc của anh là bộ đội nên ngày nghỉ hay lễ tết anh phải đi trực, chị H sống chung với gia đình chồng nên cũng không thoải mái. Chị H xin ly hôn với anh thì không đồng ý ly hôn vì vẫn còn thương yêu vợ con.

Về con chung: Có 2 con chung tên là Lê Ngọc Linh Đ, sinh ngày 23/8/2012 và Lê Minh P, sinh ngày 18/4/2015. Nếu ly hôn, anh yêu cầu được nuôi 2 con và yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng là 2.500.000đ.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 33/2019/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Đà Lạt đã xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H về việc “*Xin ly hôn*” với anh Lê Chí N.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 05/7/2019 nguyên đơn chị Lê Thị H có đơn kháng cáo Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 33/2019/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt. Chị yêu cầu được ly hôn với anh N vì mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã quá trầm trọng.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử (*sau đây viết là HĐXX*) chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm cho chị và anh N được ly hôn. Về con chung chị đồng ý trực tiếp nuôi 01 con chung tên là Lê Ngọc Linh Đ, sinh ngày 23/8/2012 và giao một con chung tên là Lê

Minh P, sinh ngày 18/4/2015 cho anh N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến ngày cháu trưởng thành. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Về tài sản chung và nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh N đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn chị H, vì sau khi Tòa án thành phố Đà Lạt xét xử sơ thẩm anh nhận thấy quan hệ tình cảm vợ chồng không cải thiện được nên tại phiên tòa phúc thẩm anh đồng ý thuận tình ly hôn với chị H, đề nghị Tòa án công nhận. Về con chung anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu tên là Lê Minh P, sinh ngày 18/4/2015 và giao cho chị H trực tiếp nuôi cháu Lê Ngọc Linh Đ, sinh ngày 23/8/2012 cho đến ngày cháu trưởng thành, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào theo yêu cầu của chị H. Về tài sản chung và nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của viện kiểm sát về việc thẩm phán và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, đồng thời đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Sửa án sơ thẩm, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Lê Chí N; về con chung Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự giao cháu Lê Ngọc Linh Đ, sinh ngày 23/8/2012 cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến ngày trưởng thành anh Lê Chí N không cấp dưỡng nuôi con chung. Giao cháu Lê Minh P, sinh ngày 18/4/2015 cho anh N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến ngày cháu trưởng thành, chị H không cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn chị Lê Thị H yêu cầu xin được ly hôn bị đơn anh Lê Chí N, Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì chị H và anh N kết hôn vào năm 2011, quá trình chung sống giữa hai người có 02 con chung, theo nguyên đơn chị H trình bày thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh vào năm 2018 do không hòa hợp với nhau trong công việc chị là công nhân còn anh N là bộ đội, do tính chất công việc của hai người thường xuyên vắng nhà nên con cái không ai chăm sóc, chị cho rằng anh N thiếu trách nhiệm với vợ con, không chia sẻ công việc gia đình với chị nên giữa hai người thường xuyên xảy ra xích mích to tiếng với nhau, đến tháng 03/2019 chị thuê nhà để ở riêng. Nguyên đơn cho rằng mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên yêu cầu xin được ly hôn. HĐXX thấy rằng do tính chất đặc thù của công việc nên giữa vợ chồng chị H và anh N phát sinh mâu thuẫn vào năm 2018 sau 7 năm chung sống tuy nhiên cả hai đương sự đều chưa thể hiện hết trách nhiệm của mình đối với gia đình, đối với con cái nên xảy ra sự xích mích cãi vã lẫn nhau, ngoài bất đồng quan điểm về việc sắp xếp việc nhà và công việc giữa hai vợ chồng thì giữa vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống chung. Bản án sơ thẩm xét thấy cần có thời gian để hai người thể hiện sự yêu thương, quan tâm và

hàn gắn cùng nhau xây dựng đời sống chung vợ chồng nên đã bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm anh N đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn chị H, vì sau khi Tòa án Đà Lạt xét xử sơ thẩm thì cuộc sống vợ chồng vẫn không thể cải thiện được, anh xét thấy giữa anh và chị không có sự thương yêu và trách nhiệm với nhau trong đời sống chung vợ chồng nên không thể có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H. Về con chung anh N và chị H thỏa thuận anh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Minh P, sinh ngày 18/4/2015 và chị H trực tiếp nuôi cháu Lê Ngọc Linh Đ, sinh ngày 23/8/2012 cho đến ngày các cháu trưởng thành, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Về tài sản chung và nợ chung anh N và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Xét thấy sự thỏa thuận của các bên đương sự về việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận việc nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật nên cần công nhận sự thỏa thuận này. Từ những nhận định trên HĐXX phúc thẩm sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm đối với quan hệ hôn nhân và quan hệ giao trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung.

[4] Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm liên quan đến yêu cầu kháng cáo, nên người có kháng cáo không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 55, Điều 81, 82 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, án phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn chị Lê Thị H đối với bị đơn anh Lê Chí N.

Sửa Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 33/2019/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị H với bị đơn anh Lê Chí N.

2. Về quan hệ hôn nhân:

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Lê Chí N.

3. Về con chung:

Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự về việc giao trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung như sau:

3.1. Giao một con chung tên là Lê Ngọc Linh Đ, sinh ngày 23/8/2012 cho chị Lê Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến ngày cháu trưởng thành. Anh Lê Chí N không cấp dưỡng nuôi con chung.

3.2. Giao một con chung tên là Lê Minh P, sinh ngày 18/4/2015 cho anh Lê Chí N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến ngày cháu trưởng thành. Chị Lê Thị H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại, thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cấm và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cả hai bên hoặc một trong các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị H và anh Lê Chí N không yêu cầu tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 600.000đ (Sáu trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2016/0012021 ngày 27/3/2019 và Biên lai thu số AA/ 2016 /0012406 ngày 19/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt. Chị H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Hoàn trả cho chị H số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh LD;
- TAND Tp Đà Lạt (02);
- Phòng KTNV&THA
- Các đương sự (02);
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hữu Hồng